

CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ TIÊU THỤ PHÂN BÓN TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ

Methods for Policy Analysis of Fertilizer Production, Import and Utilization in Economic Integration Situation

Nguyễn Tuấn Sơn

Khoa Kinh tế & PTNT, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

TÓM TẮT

Phân hóa học là loại đầu vào quan trọng của sản xuất trồng trọt, đặc biệt là sản xuất lúa. Quyết định về khối lượng phân bón sử dụng của các hộ nông dân phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá phân bón, thời gian phân phối vận chuyển phân bón đến nông trại, giá của sản phẩm đầu ra. Người nông dân sẽ sử dụng nhiều phân bón khi giá trị sản phẩm biên của từng đầu vào lớn hơn giá của đơn vị đầu vào đó. Mỗi quốc gia sẽ quyết định sản xuất loại phân bón nào khi có lợi thế so sánh về sản xuất loại phân bón đó, ngược lại nên nhập khẩu để tiết kiệm nguồn lực trong nước cho các hoạt động sản xuất khác. Việt Nam là một nước nông nghiệp, do vậy chính sách đối với ngành sản xuất phân bón đóng vai trò vô cùng quan trọng trong điều tiết phúc lợi xã hội giữa người nông dân, người sản xuất, nhập khẩu và phân phối phân bón. Sử dụng mô hình dự trữ đệm, Chính phủ có thể điều tiết một cách hiệu quả giá phân bón về mức giá thích hợp mọi người có thể chấp nhận được.

Từ khoá: Chính sách, chi phí nguồn lực trong nước, lợi thế so sánh, mô hình dự trữ đệm, phân bón, sản xuất.

SUMMARY

Fertilizer is an important input for crop production, especially for rice. The farmer's decision on volume of fertilizer utilization depend on many factors such as price of fertilizers, time of delivery to the farm, price of products. The farmers will use more fertilizer when value of marginal product of each input not less than price of that input. The country will produce fertilizer when having comparative advantage in producing that input, otherwise import from abroad to save the domestic resources for other production activities. Since Vietnam is an agricultural production country, then fertilizer policy plays an important role in regulating social welfare among farmers, fertilizer producers as well as fertilizer importers and distributors. Using buffer stock model, the government can effectively adjust the actual fertilizer price into designed level of price.

Key words: Buffer stock model, comparative advantage, domestic resource cost, fertilizer, policy, production.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một nước nông nghiệp với hai ngành sản xuất chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi. Sản xuất nông nghiệp nước ta đã

đạt được những thành tích đáng kể từ sau khi thực hiện chính sách đổi mới. Sản lượng các loại nông sản phẩm ngày càng tăng lên không những đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn xuất khẩu một khối lượng

lớn ra thị trường thế giới. Những thành tích trên của ngành nông nghiệp có sự đóng góp đáng kể của các nhà máy sản xuất phân bón, của mạng lưới cung ứng phân bón vật tư nông nghiệp và của hiệp hội phân bón Việt Nam.

Thực tế sản xuất của các nước trên thế giới và trong khu vực đã khẳng định rằng xu hướng và tốc độ tăng trưởng của việc sử dụng phân hóa học trong sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào sự phát triển của hệ thống nghiên cứu khoa học và dịch vụ khuyến nông, dịch vụ tín dụng nông nghiệp và hệ thống cung ứng vật tư nông nghiệp. Do vậy, để kích cầu sử dụng các loại phân hóa học nhằm tăng năng suất và sản lượng các loại cây trồng thì cần phải có các chính sách đồng bộ tác động đến tất cả các yếu tố trong hệ thống nêu trên (Balisacan, 1990).

Ngành công nghiệp sản xuất phân hóa học của nước ta đã được hình thành và phát triển sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng và tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, do nhu cầu sử dụng phân hóa học trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng lên nên hàng năm nước ta vẫn phải nhập khẩu một khối lượng lớn các loại phân hóa học. Việc nhập khẩu phân bón phải sử dụng một khối lượng lớn ngoại tệ, ngoài ra sẽ rất khó chủ động đáp ứng nhu cầu sản xuất đặc biệt là trong điều kiện diễn biến phức tạp của giá cả thị trường thế giới trong điều kiện hiện nay. Phát triển ngành công nghiệp sản xuất phân hóa học trong nước sẽ có nhiều tác dụng thiết thực đối với nền kinh tế:

(i) *Thứ nhất*, cung cấp một cách chủ động, kịp thời các loại phân bón đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp trong nước;

(ii) *Thứ hai*, tránh được các diễn biến xấu của giá cả và các điều kiện khác của thị trường quốc tế;

(iii) *Thứ ba*, tiết kiệm được nguồn ngoại tệ đáp ứng cho các nhu cầu khác của nền kinh tế.

(iv) *Thứ tư*, tạo công ăn việc làm và thúc đẩy quá trình CNH-HĐH nền kinh tế quốc dân.

Câu hỏi đặt ra là nước ta nên tập trung ưu tiên phát triển ngành công nghiệp sản xuất phân bón nội địa hay nhập khẩu? Những chính sách nào cần áp dụng để đáp ứng được yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, bình ổn giá cả thị trường các loại phân bón trong điều kiện hiện nay?

Nghiên cứu này nhằm cung cấp các phương pháp để phân tích chính sách phân bón hiện thời của nước ta từ đó đề xuất sử dụng mô hình dự trữ đệm nhằm bình ổn giá cả đảm bảo hài hoà lợi ích của người sản xuất và sử dụng phân bón.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng các tài liệu thứ cấp để thu thập thông tin về các phương pháp phân tích, đánh giá chính sách đối với sản xuất và tiêu thụ các loại sản phẩm nói chung, phân bón nói riêng trên thế giới và Việt Nam.

Ngoài ra, chúng tôi sử dụng các phương pháp phân tích hệ số bảo hộ danh nghĩa, thuế ngầm, phân tích marketing và mô hình dự trữ đệm để đánh giá tác động của các chính sách đối với việc sản xuất và sử dụng phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Phân tích các chính sách đối với sản xuất và sử dụng phân hóa học ở Việt Nam

Chính sách đối với sản xuất và sử dụng phân hóa học trong sản xuất nông nghiệp nhằm làm hài hòa cùng một lúc hai mục tiêu có vẻ trái ngược nhau là cung cấp các loại phân hóa học với giá rẻ cho người sử dụng phân bón đồng thời khuyến khích (bảo hộ) những người sản xuất phân bón trong nước (Balisacan, 1990).

Mục tiêu thứ nhất nhằm làm giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất sản lượng cây trồng, tăng thu nhập cho hộ nông dân và làm giảm giá bán các loại nông sản. Mục tiêu thứ hai nhằm làm khuyến khích các nhà sản xuất phân bón trong nước, đẩy mạnh sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất phân bón tiến tới sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu phân bón cho sản xuất nông nghiệp.

Việc phân tích ảnh hưởng của các chính sách đối với ngành công nghiệp sản xuất phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp có thể đứng trên quan điểm của người sử dụng phân bón (nông dân), hoặc đứng trên quan điểm của người sản xuất phân bón (các nhà máy), hoặc đứng trên quan điểm sử dụng nguồn lực quốc gia để sản xuất các sản phẩm thay thế nhập khẩu (Balisacan, 1990).

3.1.1. Thứ nhất: Trên quan điểm của người sử dụng phân bón (nông dân)

Câu hỏi đặt ra là các chính sách hiện hành của Nhà nước có tác động như thế nào đối với người sử dụng phân bón?

Để trả lời câu hỏi này ta sử dụng khái niệm thuế ngầm (Implicit tariff – IT) để lượng hóa ảnh hưởng của các chính sách đối với người sử dụng phân bón.

Thuế ngầm (IT) đo sự chênh lệch giữa giá mua thực tế của người nông dân (P_d) với giá nhập khẩu tương đương (P_b) tại một điểm trên kênh marketing.

$$IT_i = \left(\frac{P_i^d}{P_i^b} - 1 \right) * 100$$

Trong đó:

P_i^d là giá trong nước đối với loại phân bón i .

P_i^b là giá nhập khẩu tương đương đối với loại phân bón i (tính theo đồng nội tệ tại tỷ giá hối đoái chính thức).

P_i^d và P_i^b được tính tại cùng một điểm trên kênh marketing.

Giá nhập khẩu tương đương chính là chi phí cơ hội của sản xuất phân bón, tức là giá mà người nông dân sẽ trả nếu như không có sự can thiệp của các chính sách của Nhà nước (giá khi tự do hóa thương mại).

Nếu $IT_i < 0$ thì ta kết luận các chính sách của Nhà nước đã bảo hộ nông dân;

Nếu $IT_i > 0$ thì ta kết luận các chính sách của Nhà nước không bảo hộ nông dân.

Dựa vào kết quả tính toán các trị số của chỉ tiêu thuế ngầm để rút ra các kết luận xem các chính sách hiện hành của Nhà nước (thuế, hạn ngạch nhập khẩu, qui cách sản phẩm, thuế giá trị gia tăng ...) có khuyến khích người nông dân trong việc sử dụng phân bón hay không. Kết quả của việc phân tích sẽ giúp Chính phủ xem xét đánh giá, thay đổi, bổ sung các chính sách đã ban hành nhằm đưa các loại phân bón đến tay người nông dân với mức giá hợp lý.

3.1.2. Thứ hai: Trên quan điểm của người sản xuất phân bón (nhà máy)

Câu hỏi đặt ra là các chính sách hiện hành của Nhà nước có khuyến khích (bảo hộ) người sản xuất phân bón hay không?

Để trả lời câu hỏi này ta sử dụng khái niệm (i) Tỷ lệ bảo hộ danh nghĩa (Nominal protection rate NPR) và (ii) Thuế ngầm đối với các loại đầu vào sử dụng để sản xuất từng loại phân bón nhằm lượng hóa ảnh hưởng của các chính sách của Nhà nước đối với người sản xuất phân bón.

(i) *Tỷ lệ bảo hộ danh nghĩa đối với người sản xuất phân bón được tính như sau:*

$$NPR_i = IT_i + \left(\frac{S}{P_i^b} \right) * 100$$

Trong đó:

IT_i là thuế ngầm đối với loại phân bón i .

S là trợ giá trực tiếp (tiền mặt) cho 1 đơn vị loại phân bón i .

P_i^b là giá nhập khẩu tương đương đối với loại phân bón thứ i (tính theo đồng nội tệ tại tỷ giá hối đoái chính thức).

Nếu $NPR_i > 0$ thì ta kết luận các chính sách của Nhà nước đã bảo hộ cho người sản xuất phân bón trong nước (khuyến khích người sản xuất phân bón).

Nếu $NPR_i < 0$ thì ta kết luận các chính sách của Nhà nước không bảo hộ người sản xuất phân bón trong nước (không khuyến khích người sản xuất phân bón).

Trong trường hợp không có trợ giá trực tiếp cho các nhà máy sản xuất phân bón thì tỷ lệ bảo hộ danh nghĩa bằng mức thuế ngầm mà người nông dân phải chịu.

(ii) *Thuế ngầm (IT) đối với các loại nguyên liệu sử dụng để sản xuất các loại phân hóa học*

Trong nhiều trường hợp, chúng ta vừa sử dụng nguyên liệu trong nước vừa nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất các loại phân bón, thuế ngầm đối với các nguyên liệu được tính như sau:

$$IT_j = \left(\frac{P_j^d}{P_j^b} - 1 \right) * 100$$

Trong đó:

P_j^d là giá trong nước đối với nguyên liệu j sử dụng để sản xuất loại phân thứ i .

P_j^b là giá nhập khẩu đối với nguyên liệu j để sản xuất loại phân bón thứ i (tính theo đồng nội tệ tại tỷ giá hối đoái chính thức).

P_j^d và P_j^b được tính tại cùng một điểm trên kênh marketing.

Nếu $IT_j < 0$ thì ta kết luận các chính sách của Nhà nước đã bảo hộ người sản xuất phân bón trong nước (khuyến khích người sản xuất phân bón).

Nếu $IT_j > 0$ thì ta kết luận các chính sách của Nhà nước không bảo hộ người sản xuất phân bón trong nước (không khuyến khích người sản xuất phân bón).

Dựa vào kết quả tính toán các trị số của chỉ tiêu tỷ lệ bảo hộ danh nghĩa và thuế ngầm đối với các loại đầu vào sử dụng sản xuất phân bón để rút ra các kết luận xem các chính sách hiện hành của Nhà nước (thuế, hạn ngạch nhập khẩu, qui cách sản phẩm,

thuế giá trị gia tăng, trợ giá sản phẩm ...) có khuyến khích người sản xuất phân bón hay không. Kết quả của việc phân tích sẽ giúp Chính phủ xem xét đánh giá, thay đổi, bổ sung các chính sách đã ban hành nhằm phát triển ngành sản xuất phân bón đáp ứng nhu cầu sử dụng của nông dân.

3.1.3. Thứ ba: Trên quan điểm sử dụng nguồn lực quốc gia

Nguồn lực của mỗi quốc gia đều có giới hạn và khan hiếm. Nếu nguồn lực được sử dụng để sản xuất sản phẩm này sẽ ảnh hưởng đến việc sản xuất sản phẩm khác. Do vậy mỗi quốc gia sẽ lựa chọn sản xuất những sản phẩm nào có lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh cao nhất và trao đổi với các quốc gia khác thông qua thương mại quốc tế. Lợi thế so sánh của sản xuất các loại phân bón được đánh giá bởi thước đo lợi nhuận xã hội và được tính bằng hệ số chi phí nguồn lực (Resource cost ratio – RCR) tức là tỷ số giữa chỉ tiêu chi phí các nguồn lực trong nước (Domestic resource cost - DRC) với giá bóng của tỷ giá hối đoái (Shadow exchange rate - SER).

Chỉ tiêu DRC là thước đo giá trị của các nguồn lực trong nước cần thiết để tạo ra được một đồng ngoại tệ thông qua xuất khẩu hoặc tiết kiệm được một đồng ngoại tệ thông qua sản xuất hàng thay thế nhập khẩu. Đối với nước ta, chỉ tiêu DRC phản ánh hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực trong nước để sản xuất các loại phân bón nhằm tiết kiệm ngoại tệ thông qua sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu.

Chi phí các nguồn lực trong nước (DRC) được tính như sau:

$$DRC_i = \frac{\sum_{j=k+1} a_{ij}S_j}{(1/OER) * (P_i^b - \sum a_{ij}P_j^b)}$$

Trong đó:

a_{ij} ($j = k+1$ đến n) là khối lượng các đầu vào trong nước dùng để sản xuất 1 đơn vị phân bón i ;

Sj là giá xã hội của các đầu vào trong nước nói trên;

OER (official exchange rate) là tỷ giá hối đoái chính thức;

Pi^b là giá quốc tế của 1 đơn vị phân bón i (tính bằng đồng nội tệ);

a_{ij} (j = 1 đến k) là khối lượng các loại đầu vào nhập khẩu sử dụng để sản xuất 1 đơn vị phân bón i;

Pj^b là giá nhập khẩu của các đầu vào nói trên (tính bằng đồng nội tệ).

Sau khi tính được DRC, so sánh chỉ số này với giá bóng của tỷ giá hối đoái (SER) để tính chỉ số chi phí nguồn lực (resource cost ratio – RCR).

$$RCR = DRC_i / SER$$

Trong đó:

$$SER = OER * (1 + FX Premium);$$

SER là giá bóng của tỷ giá hối đoái (thông thường cao hơn tỷ giá hối đoái chính thức, OER, khoảng 20% ở các nước đang phát triển theo Ngân hàng Thế giới).

Nếu $DRC_i / SER < 1$ kết luận sản xuất loại phân bón i có lợi thế so sánh,

Nếu $DRC_i / SER > 1$ kết luận sản xuất loại phân bón i không có lợi thế so sánh.

Dựa vào việc tính toán phân tích hệ số chi phí nguồn lực để xác định xem việc sản xuất các loại phân bón trong nước có mang lại hiệu quả kinh tế hay không. Từ đó có kế hoạch và chiến lược dài hạn cũng như các bước đi thích hợp nhằm phát triển ngành công nghiệp sản xuất phân bón trong nước.

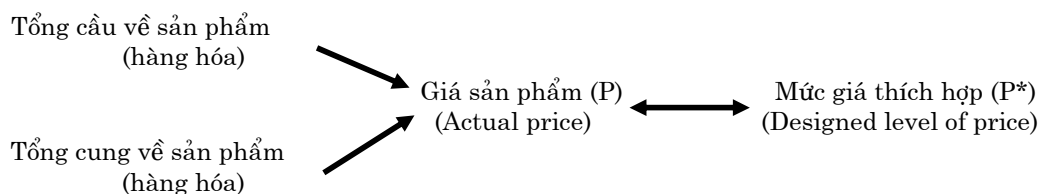
Sử dụng phương pháp phân tích Marketing để xác định các kênh phân phối các loại phân bón chủ yếu từ người sản xuất (hoặc nhập khẩu) đến người sử dụng. Tiến hành thu thập các chi phí có liên quan và giá bán qua từng khâu trung gian để tính hiệu quả của từng tác nhân. Cần phân tích vai trò của các tác nhân trong từng kênh phân phối, những khó khăn mà họ gặp phải cần được tháo gỡ, từ đó đề xuất các chính sách và giải pháp cụ thể thích hợp nhằm làm cho hệ thống

marketing phân phối vật tư nông nghiệp hoạt động một cách có hiệu quả.

Dự báo chính xác nhu cầu các loại phân bón cho từng vụ sản xuất để từ đó có kế hoạch sản xuất, nhập khẩu đáp ứng kịp thời có hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp. Dự báo chính xác nhu cầu phân bón các loại là một việc hết sức khó khăn, bởi phân bón là loại vật tư chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất các loại cây trồng. Nhu cầu sử dụng từng loại phân bón phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố kinh tế-kỹ thuật như giá hiện hành của từng loại phân bón và giá của các loại phân bón thay thế, giá của sản phẩm, tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng trong vụ tới hoặc năm tới, diễn biến của điều kiện thời tiết khí hậu, việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật canh tác đặc biệt là các giống mới, v.v...

Một trong những yếu tố hết sức quan trọng ảnh hưởng đến tổng lượng cầu về phân bón là giá của nông sản phẩm. Tuy nhiên khi ra quyết định sản xuất (trồng cây gì, diện tích bao nhiêu, mức đầu tư phân bón cho 1 đơn vị diện tích, vv) thì người nông dân chưa biết trước giá của nông sản phẩm mà họ sản xuất, vì vậy họ căn cứ vào diễn biến giá của sản phẩm ở các năm trước để dự báo (sử dụng mô hình dự báo trễ). Do vậy nếu giá của sản phẩm tương đối ổn định hoặc có xu hướng tăng đều đặn qua các năm sẽ tăng tính chính xác của việc dự báo nhu cầu sử dụng phân bón (Balisacan, 1990).

Dự báo thiếu chính xác có thể sẽ dẫn đến thiếu phân bón nghiêm trọng và gây ra cơn sốt giá cả khi mùa vụ đến (do nhiều loại phân bón phải nhập khẩu với khối lượng lớn). Vì từ khi đặt hàng nhập đến khi có hàng bán ra trên thị trường đòi hỏi một khoảng thời gian khá dài, do vậy khi biết thiếu hụt mới làm thủ tục nhập hàng thì sẽ không có tác dụng phục vụ sản xuất trong mùa vụ đó. Trong trường hợp này, người nông dân là người chịu thiệt thòi trước tiên và nhiều nhất, còn trên phương diện quốc gia thì cả xã hội cũng chịu thiệt thòi tổn thất.



Sơ đồ xác định giá sản phẩm (Lantican, 1989)

Dự báo thiếu chính xác cũng có thể dẫn đến sản xuất trong nước và nhập khẩu quá nhiều gây ra hiện tượng dư thừa. Trong trường hợp này buộc phải bán với giá thấp làm thiệt hại cho người sản xuất và nhập khẩu phân bón hoặc là phải dự trữ cho vụ sau vừa tốn kém vừa giảm chất lượng và hao hụt. Điều này không những làm thiệt hại cho người sản xuất và nhập khẩu phân bón mà cũng làm thiệt hại cho cả xã hội.

3.2. Phân tích mô hình dự trữ đệm đối với sản xuất và sử dụng phân hóa học ở Việt Nam

Đối với các loại nông sản phẩm dễ bảo quản như lúa, ngô hoặc đối với một số loại phân bón chủ yếu có tầm quang trọng chiến lược đối với sản xuất nông nghiệp, để khắc phục tình trạng dư thừa nhằm bình ổn giá cả, chủ động trong sản xuất và tiêu dùng mang lại lợi ích cho toàn xã hội theo chúng tôi cần thiết phải sử dụng mô hình dự trữ đệm (Buffer stock).

Quan hệ cung - cầu về sản phẩm trên thị trường quyết định giá cả sản phẩm. Tuy nhiên, để đảm bảo lợi ích cho toàn xã hội, Nhà nước vẫn có thể can thiệp bằng cách xác định một mức giá hợp lý đảm bảo điều hòa lợi ích cho mọi thành viên trong xã hội (designed level of price – P^*) theo sơ đồ của Lantican (1989).

Mức giá thích hợp P^* là mức giá do Chính phủ quyết định dựa vào chi phí sản xuất (nhập khẩu) và mức lợi nhuận hợp lý cho người sản xuất (nhập khẩu). Khi mức giá thực tế của sản phẩm thấp hơn hoặc cao hơn mức giá hợp lý P^* thì Nhà nước sẽ can thiệp:

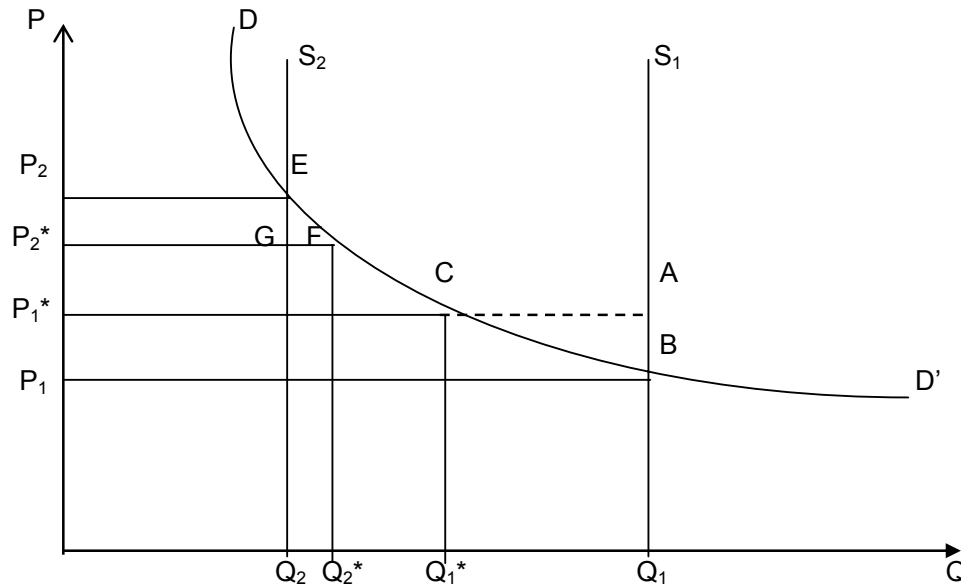
- Nếu mức giá thực tế P thấp hơn mức giá thích hợp P^* ($P < P^*$) nghĩa là chúng ta đang ở vào trạng thái cung vượt quá cầu (dư cung). Trong trường hợp này Nhà nước phải can thiệp bằng cách mua lượng sản phẩm dư thừa cho nông dân hoặc dự trữ lượng phân bón dư thừa vào kho Nhà nước.

- Nếu mức giá thực tế P cao hơn mức giá thích hợp P^* ($P > P^*$) nghĩa là chúng ta ở vào trạng thái cung nhỏ hơn cầu (thiếu hụt hàng hóa). Trong trường hợp này, Nhà nước phải can thiệp bằng cách bán lượng sản phẩm dự trữ cho người tiêu dùng hoặc bán lượng phân bón dự trữ cho nông dân. Mức giá thích hợp P^* là mức giá do Chính phủ quyết định dựa vào chi phí sản xuất (nhập khẩu) và mức lợi nhuận hợp lý cho người sản xuất (nhập khẩu). Khi mức giá thực tế của sản phẩm thấp hơn hoặc cao hơn mức giá hợp lý P^* thì Nhà nước sẽ can thiệp:

Nếu mức giá thực tế P thấp hơn mức giá thích hợp P^* ($P < P^*$) nghĩa là chúng ta đang ở vào trạng thái cung vượt quá cầu (dư cung). Trong trường hợp này Nhà nước phải can thiệp bằng cách mua lượng sản phẩm dư thừa cho nông dân hoặc dự trữ lượng phân bón dư thừa vào kho Nhà nước.

Nếu mức giá thực tế P cao hơn mức giá thích hợp P^* ($P > P^*$) nghĩa là chúng ta ở vào trạng thái cung nhỏ hơn cầu (thiếu hụt hàng hóa). Trong trường hợp này Nhà nước phải can thiệp bằng cách bán lượng sản phẩm dự trữ cho người tiêu dùng hoặc bán lượng phân bón dự trữ cho nông dân.

Câu hỏi đặt ra là trong cả hai trường hợp trên xã hội có lợi hay không?



Mô hình dự trữ đệm (Lantican, 1989)

DD' là đường cầu về phân bón; S_1 và S_2 là đường cung phân bón tại các thời điểm khác nhau

Tại đường cung S_1 và S_2 ta có lượng cung hàng hóa lần lượt là Q_1 và Q_2 . Do khối lượng phân bón Q_1 rất lớn nên mức giá cân bằng P_1 rất thấp. Ngược lại tại mức cung Q_2 do thiếu hụt phân bón nên mức giá cân bằng P_2 rất cao. Xét về mặt xã hội, cả hai trường hợp này đều không có lợi, do vậy Nhà nước sẽ xác định mức giá thích hợp cho 2 trường hợp này là P_1^* và P_2^* thay thế cho mức giá cân bằng P_1 và P_2 .

Trường hợp 1:

Do khối lượng phân bón sản xuất ra quá nhiều (dư cung) so với yêu cầu của xã hội làm cho giá phân bón thực tế trên thị trường quá thấp P_1 . Nhà nước sẽ xác định mức giá thích hợp P_1^* để hài hòa lợi ích giữa người sản xuất và sử dụng phân bón. Để làm được như vậy Nhà nước cần phải mua khối lượng dư thừa ($Q_1^*Q_1$), đây gọi là quá trình dự trữ phân bón (stock accumulation). Trong trường hợp này phúc lợi cho toàn xã hội (social welfare) sẽ được xác định như sau:

Thặng dư của người sản xuất (Production surplus) sẽ là $P_1ABP_1^*$ (+)

Thặng dư của người tiêu dùng (Consumer surplus) sẽ là $P_1CBP_1^*$ (-)

Thặng dư của toàn xã hội (net gain to society) là CBA (+): Như vậy mặc dù người tiêu dùng bị thiệt nhưng thặng dư cho người sản xuất lớn hơn nhiều so với mức thiệt hại của người tiêu dùng làm cho cả xã hội có lợi do việc mua dự trữ khối lượng phân bón dư thừa ($Q_1^*Q_1$) để bình ổn giá cả.

Trường hợp 2:

Do khối lượng phân bón sản xuất và cung ứng ra quá thấp so với yêu cầu của xã hội làm cho giá phân bón thực tế trên thị trường quá cao P_2 . Nhà nước sẽ xác định mức giá thích hợp là P_2^* để hài hòa lợi ích giữa người sản xuất và sử dụng phân bón. Để làm được như vậy Nhà nước phải bù đắp khối lượng phân bón thiếu hụt ($Q_2Q_2^*$) bằng cách xuất kho khối lượng phân bón dự trữ ra thị trường, đây gọi là quá trình sử dụng dự trữ

(stock realization). Trong trường hợp này phúc lợi cho toàn xã hội (social welfare) sẽ được xác định như sau:

Thặng dư của người sản xuất (Production surplus) sẽ là $P_2EGP_2^*$ (-)

Thặng dư của người tiêu dùng (Consumer surplus) sẽ là $P_2EFP_2^*$ (+)

Thặng dư của toàn xã hội (net gain to society) là EFG (+): Như vậy mặc dù người sản xuất bị thiệt nhưng thặng dư của người tiêu dùng phân bổ lớn hơn nhiều làm cho cả xã hội có lợi do việc sử dụng khối lượng phân bón dự trữ để bình ổn giá cả.

Tuy nhiên trong cả hai trường hợp trên chúng ta chưa tính các chi phí liên quan đến quá trình dự trữ như chi phí cố định liên quan đến kho chứa và các thiết bị dự trữ, chi phí biến đổi như chi phí bốc dỡ hàng, hao hụt, chi phí vốn (lãi suất tiền vốn lưu động sử dụng vào việc mua hàng dự trữ).

IV. KẾT LUẬN

Những công cụ phân tích chính sách nói trên sẽ giúp chúng ta trả lời được câu hỏi Việt Nam có lợi thế so sánh trong sản xuất các loại phân hóa học đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp hay không. Từ đó sẽ xác định được Việt Nam nên sản xuất để tự túc

phân hóa học đến mức độ nào. Những chính sách nào cần phải được thay đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất phân bón nội địa trong thời gian tới.

Những công cụ phân tích chính sách trên đây sẽ giúp chúng ta lượng hóa và đánh giá được một cách chính xác tác động của các chính sách hiện hành có ảnh hưởng như thế nào đến người sản xuất, người sử dụng cũng như các tác nhân trung gian tham gia ngành hàng sản xuất và tiêu thụ các loại phân hóa học. Từ đó đề xuất thay đổi, bổ sung và ban hành các chính sách thích hợp tạo thuận lợi cho người sản xuất, buôn bán, sử dụng các loại phân hóa học góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất phân bón và ngành nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Balisacan A. M., (1990). Fertilizer and Fertilizer Policies in Philippines Agricultural Development, CEM-UPLB, Philippines.
- Lantican, F. A (1989). Economics of Reserve or Buffer Stock Program, Paper presented at the FAO-CEM training program on price and marketing policy, April 17, 1989, CEM-UPLB, Philippines.